

# KINH DỊCH

## VÀ PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO CỦA NGƯỜI XƯA









Võ Thành Nhân \*

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học và công nghệ, có rất nhiều phương pháp dự báo được phát minh và ứng dụng trong đời sống kinh tế, khoa học kỹ thuật... Vậy từ thời xa xưa, cách đây hàng ngàn năm, với điều kiện công nghiệp và khoa học chưa phát triển, con người có thực hiện dự báo các vấn đề được quan tâm trong đời sống không, và nếu có thì phương pháp dự báo đó là gì? Câu trả lời là có và phương pháp dự báo được sử dụng nhiều nhất, phổ biến nhất của người Á Đông ngày xưa là dựa vào Kinh Dịch.

Kinh Dịch được cho là một trong “Ngũ kinh” nổi tiếng của người Trung Hoa (Tuy nhiên, hiện nay có nhiều ý kiến tranh cãi của các nhà nghiên cứu rằng Kinh Dịch là của người Việt). Vậy Kinh Dịch là sách gì? Có người xem Kinh Dịch là sách triết học, có người cho là sách sử học. Khá đông các nhà học giả hiện đại nghiên cứu về Kinh Dịch cho rằng khởi thủy Kinh Dịch vốn là sách bói toán. Bên cạnh việc cho rằng “Dịch vốn là sách bói toán” [1, Tr 57], Ngô Tất Tố (1894-1954), nhà văn, nhà báo, nhà khảo cứu lớn của văn học Việt Nam cho còn rằng “Kinh Dịch vẫn là một cuốn sách lạ trong trong văn học giới của nhân loại [1, Tr 11]. Nhà chí sĩ Phan Bội Châu, lúc sinh thời, coi Kinh Dịch là nhân sinh quan và vũ trụ quan của nhân loại. Học giả Nguyễn Hiến Lê gọi Kinh Dịch là Đạo của

người quân tử. Ông viết: “cách xử thế trong Kinh Dịch mà tôi gọi là Đạo Dịch, đạo của bậc chính nhân quân tử thời xưa”.

Kinh Dịch được xây dựng trên nguyên lý Âm Dương với hai vạch: vạch liền (—) và vạch đứt (— —) gọi là Lưỡng Nghi. Vạch liền gọi là dương, vạch đứt gọi là âm. Trên mỗi Nghi lại sinh ra một vạch liền hoặc một vạch đứt nữa thành bốn cái “hai vạch” gọi là “Tứ Tượng”. Trên mỗi Tượng này lại sinh ra một vạch liền hoặc một vạch đứt nữa thành tám cái “ba vạch” - đơn quái, gọi chung là Bát Quái. Mỗi quái được đặt một tên riêng, gồm:

Càn:		Tôn:	
Khảm:		Ly:	
Cấn:		Khôn:	
Chấn:		Đoài:	

Trong mỗi quái có ba vạch tượng trưng cho tam tài (Thiên, Nhân, Địa). Quái được dùng để biểu thị sự vật, mối quan hệ, hiện tượng tự tương quan,... trong cả tự nhiên và xã hội. Chẳng hạn Càn là trời, là cha; Khôn là đất, là mẹ... Trên mỗi quái lại sinh ra một quái nữa

\* Cục Thống kê Quảng Ngãi

thành ra 64 cái “sáu vạch” là trùng quái hay quẻ kép. Mỗi quái có tên gọi riêng và mang những ý nghĩa khác nhau, chẳng hạn quẻ có Khảm (đơn quái) ở trên, Chấn (đơn quái) ở dưới gọi là Thủy Lôi Truân, có hàm nghĩa: Sự việc đang trong giai đoạn khó khăn.

Mỗi khi hữu sự, muốn biết tốt xấu thế nào, người xưa thường xem quẻ Dịch để nhận được câu trả lời từ Dịch. Tuy nhiên, việc dự báo bằng quẻ Dịch cũng có nhiều môn phái khác nhau và một trong những phương pháp đó gọi là phương pháp “Lục hào”. Gọi là Lục hào vì mỗi quẻ có 6 hào (vạch).

Phương pháp Lục hào có hệ thống phương pháp luận khá hoàn chỉnh. Trước hết, phân chia 64 quẻ thành 8 nhóm, mỗi nhóm gồm 8 quẻ và kết hợp với phép nạp giáp (gán các thiên can và địa chi vào các hào của quẻ theo quy luật đã định), xác định lục thân, an định lục thân, ấn định thế - ứng. Sau đó, xem xét mối quan hệ biện chứng, tương sinh, tương khắc về ngũ hành địa chi của các hào với nhau cũng như với địa chi ngày (nhật), địa chi tháng (nguyệt); mối quan hệ lục hợp, tam hợp, tam hình, xung, phá, mộ tuyệt, xét hào động biên (hào âm động biên dương và ngược lại),... để luận giải và rút ra thông tin dự báo.

Các địa chi và thuộc tính ngũ hành của địa chi được quy định như sau:

<b>Địa chi</b>	<b>Thuộc tính ngũ hành</b>
Hợi, tý	Thủy
Dần, mao	Mộc
Thìn, tuất, sửu, mùi	Thổ
Tỵ, ngọ	Hỏa

Thân, dậu	Kim
-----------	-----

Lục thân là quy định biểu hiện mối quan hệ giữa người xem với người khác hoặc với các sự vật, hiện tượng, gồm có:

<b>Lục thân</b>	<b>Đại biểu</b>
Huynh đệ	Anh em, bạn bè, hao tôn tiền của, gió,...
Phụ mẫu	Cha mẹ, ông bà, bằng cấp, văn bản, nhà cửa, xe cộ, mưa,...
Quan quý	Chồng, công việc, người lãnh đạo, không chế mình, kẻ trộm, sấm chớp,...
Thê tài	Vợ, tiền của, vật dụng, tạnh nắng,...
Tử tôn	Con cháu, thuốc chữa bệnh, tạnh nắng,...

Gọi là Lục thân nhưng ở đây chỉ có 5 quan hệ, còn một “thân” khác không được các sách nói rõ và nó chính là bản thân mình - người hỏi quẻ và nó biến đổi tùy theo từng quẻ.

Mối quan hệ sinh khắc giữa lục thân như sau:

- Theo chiều tương sinh (cái này sinh ra cái kia - giúp sức) có: Phụ mẫu → Huynh đệ → Tử tôn → Thê tài → Quan quý → Phụ mẫu

- Theo chiều tương khắc (cái này khắc chế, quản thúc cái kia) có: Phụ mẫu → Tử tôn → Quan quý → Huynh đệ → Thê tài → Phụ mẫu

Tùy theo từng việc muốn dự báo, hào mang các lục thân trên sẽ được chọn làm tâm điểm của việc dự báo, gọi là dụng thân. Chẳng hạn, khi muốn xem việc liên quan đến tiền bạc thì chọn hào tài làm dụng thân; xem về công văn, giấy tờ thì chọn hào phụ mẫu; xem con cái thì chọn hào tử tôn,...

Trong quẻ có hai hào đặc biệt, luôn ở các vị trí đối ứng với nhau trong các cặp 1- 4, 2 - 5, 3 - 6, đó là hào thể và hào ứng. Thể là mình, là bản thân người xem quẻ, còn Ứng là người đối phương, sự việc muốn hỏi,...

Việc dự báo thông tin theo quẻ Dịch dựa vào mối quan hệ sinh khắc, xung hợp,... giữa các địa chỉ của hào với nhau cũng với địa chỉ của ngày (nhật), tháng (nguyệt). Quy luật ngũ hành tương sinh, tương khắc như sau:

Mộc khắc thổ, thổ sinh kim, kim khắc mộc.  
 Hoả khắc kim, kim sinh thủy, thủy khắc hoả.  
 Thổ khắc thủy, thủy sinh mộc, mộc khắc thổ.  
 Kim khắc mộc, mộc sinh hoả, hoả khắc kim.  
 Thủy khắc hoả, hoả sinh thổ, thổ khắc thủy.

Quan hệ tương sinh, tương khắc ở trên còn được xem xét trong mối quan hệ vượng, suy theo mùa, theo ngày (Nhật) và theo tháng (Nguyệt).

Quan hệ tương xung (mâu thuẫn nhau) giữa các địa chỉ gồm: Tý - Ngọ xung, Sửu - Mùi xung, Dần - Thân xung, Mão - Dậu xung, Thìn - Tuất xung, Tỵ - Hợi xung.

Quan hệ tương hợp (câu kết nhau, ràng buộc nhau) gồm nhị hợp và tam hợp. Nhị hợp có: tý - Sửu hợp, dần - Hợi hợp, Mão - Tuất hợp, Thìn - Dậu hợp, Tỵ -

thân hợp, Ngọ - Mùi hợp. Tam hợp có: Tỵ - Dậu - Sửu hợp; thân - tý - Thìn hợp, Hợi - Mão - Mùi hợp.

Khi thể hiện quẻ, hào âm (vạch đứt) được ký hiệu bằng //; hào dương (vạch liền) được ký hiệu là /. Hào âm động được ký hiệu là ×; hào dương động ký hiệu là O. Một quẻ có thể có một hoặc nhiều hào động nhưng cũng có thể không có hào động nào.

Phạm vi dự báo của quẻ Dịch khá rộng, như: thời tiết, thời vận trong năm, chiến tranh, hôn nhân, bệnh tật, thuốc men, canh tác, tìm việc, thăng tiến, học hành, nhà ở, kiện tụng, lánh nạn, kinh doanh mua bán,... Ngoài những tiêu chuẩn chung, mỗi lĩnh vực dự đoán lại có những dấu hiệu để luận đoán riêng.

Một vài ví dụ luận giải quẻ Dịch ngày xưa (trích từ sách Tăng San Bộc Dịch):

Như ngày kỷ Hợi tháng tý, vì tuyết ngày này qua ngày khác nên xem lúc nào tạnh, được quẻ Quán biến Tỷ.

O Thê tài Mão mộc // Tử tôn Tý thủy (Ứng)  
 / Quan quý Tỵ hoả / Phụ mẫu Tuất thổ  
 // Phụ mẫu Mùi thổ (Thê) // Huynh đệ thân kim  
 // Thê tài Mão mộc // Thê tài Mão mộc (Thê)  
 // Quan quý Tỵ hoả // Quan quý Tỵ hoả  
 // Phụ mẫu Mùi thổ // Phụ mẫu Mùi thổ  
 (Ứng)

Đoán: Hai hào quý ám động, ngày nay còn mưa tuyết. Mão mộc là hào tài hóa tử tôn Tý thủy nên ngày mai giờ Mão tạnh.

Quả giờ Mão ngày hôm sau mây tan, mặt trời hiện. [5, Tr 201]

Ngày tân tỵ tháng dậu xem vợ chồng tương lai có hoà hợp hay không, được quẻ Thái.

// Tử tôn dậu kim (Ứng)

// Thê tài hội thủy

// Huynh đệ sữu thổ

/ Huynh đệ thìn thổ (Thê)

/ Quan quý dần mộc quý

/ Thê tài tỵ thủy

Huynh hào tri thê chủ khắc thê. Tài hào hội thủy được nguyệt kiến sinh thì vượng nên khó khắc hại.

Người xem hỏi: Trước mắt bất hoà, tương lai có hoà không?

Đáp: Ngày tỵ xung động hội thủy, mà hội là dịch mã. Thê tài lâm mã ám động thì bỏ đi khó giữ được.

Người đó vì việc này xem đi xem lại hơn mười lần, toàn là huynh tri thê, tài hóa khắc,...

Sau quả vợ chồng chia tay. [5, Tr 261]

Hệ thống 64 quẻ Dịch là 64 mô hình dự báo tổng quát. Có thể khái quát mô hình dự báo theo Kinh Dịch dưới dạng hàm số như sau:

$$Y = F\{P; H, Tu, Th, Q, N, Ng; \epsilon\}$$

Trong đó:

Y: Dự báo

P: Phụ mẫu; H: Huynh đệ; T: Tử tôn,

Th: Thê tài; Q: Quan quý; N: nhật (ngày); Ng: Nguyệt (tháng)

$\epsilon$ : Những yếu tố khác

Việc phân tích, nhận định mối quan hệ tương tác tổng hợp các yếu tố trên để đưa ra kết quả dự báo cũng giống như quá trình cân nhắc, lựa chọn các biến

số đưa vào mô hình, xác định các hệ số, ước lượng tham số, phát hiện tự tương quan, cộng tuyến,... khi sử dụng mô hình kinh tế lượng để dự báo.

Sử dụng Kinh Dịch để dự báo theo phương pháp Lục hào có lịch sử lâu đời và có hệ thống phương pháp luận khá rõ ràng, đầy đủ và cũng cho kết quả khá chính xác. Dự báo bằng Kinh Dịch không phải là mê tín dị đoan như người ta vẫn thường nghĩ. Tuy nhiên, việc luận giải quẻ Dịch để đưa ra dự báo là một vấn đề không đơn giản, nó đòi hỏi phải xem xét hết sức tinh tế, biện chứng giữa các yếu tố ảnh hưởng. Ở trên, bài viết chỉ giới thiệu khái quát một phương pháp dự báo đã tồn tại suốt hàng ngàn năm nay ở Á Đông nên các vấn đề liên quan đến phương pháp luận của nó không thể trình bày cặn kẽ được. Đến nay, mặc dù chưa thể giải thích và chứng minh những nguyên lý của phương pháp này một cách đầy đủ nhưng với những kết quả dự báo khá chính xác về các vấn đề trong đời sống xã hội, nên việc nghiên cứu, tìm hiểu sâu về dự báo theo Kinh Dịch để ứng dụng trong đời sống hàng ngày là vấn đề đáng được quan tâm.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Tất Tô (Dịch và chú giải) Kinh Dịch (1995), Kinh Dịch, NXB TP. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Hiền Lê, Kinh Dịch – Đạo của người quân tử (1994), NXB Văn Học.
3. Sao Nam Phan Bội Châu, Chu Dịch
4. Thiệu Vĩ Hoa, Chu dịch với Dự đoán học (1997), NXB Văn Hóa, Hà Nội.
5. Vĩnh Cao (Dịch), Tăng San Bộc Dịch (2008), NXB Văn hóa - Thông tin.